TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Ngọc Tú
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hoàng Ngọc Năm
Bà Đỗ Thị Vân

-*Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân h. H

- *Đại diện Viện kiểm sát ND huyện H tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Đình A, sinh năm 1963. "Có mặt"

Địa chỉ: Số nhà 41, phố Tr, thị trấn S, huyện H, Thanh Hoá

Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1973. "Vắng mặt"

Địa chỉ: thôn V, thị trấn S, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Quế - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn anh Lê Đình A thể hiện:

Về hôn nhân: Tôi và cô Lê Thị L tự nguyện tổ chức đám cưới, sống chung với nhau từ năm 2006. Đến năm 2013 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N (nay là thị trấn S) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống bình thường đến năm 2020 cô L đem con về nhà ngoại ở và vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân do tôi bị bệnh tai biến, vợ chồng tính tình không hợp. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không

hàn gắn được nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô L.

Về con: Vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Lê Thị T, sinh ngày 21/7/2007, vợ chồng tôi ly hôn cháu muốn ở với ai do cháu quyết định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay, tôi là đối tượng người tàn tật, đang hưởng trợ cấp xã hội của nhà nước, không có công việc nên tôi không thể cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/5/2021 của chị Lê Thị L thể hiện:

Về hôn nhân: tôi và anh A tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại xã N. Năm 2021 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do anh A đem vợ cả về để ở và mẹ chồng đánh đập tôi và đuổi tôi, con riêng của chồng là Lê Đình Th cũng đuổi nên tôi phải đem con về nhà ngoại ở.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Lê Thị T, sinh ngày 21/7/2007, cháu đang ở với tôi. Nguyện vọng của tôi là muốn được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về tài sản: không tranh chấp.

Tại bản tự khai của cháu Lê Thị T thể hiện: Hiện nay bố mẹ cháu là bố A và mẹ L đang làm thủ tục ly hôn, cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân dẫn đến tranh chấp tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, lãnh đạo địa phương cho biết: anh Lê Đình A và chị Lê Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là thị trấn S), vào sổ đăng ký kết hôn số 25/2013 ngày 22/7/2013. Anh chị có một con chung là cháu Lê Thị T, sinh ngày 21/7/2007. Trong quá trình vợ chồng anh A và chị L chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên chị L và con gái đã bỏ về nhà ngoại ở từ cuối năm 2020 đến nay.

Tại bản trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn thể hiện:

Anh Lê Đình A và chị Lê Thị L tự nguyện kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do có mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, anh A đề nghị ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A. Về con: Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Thị T, sinh ngày 21/7/2007, đang sống cùng chị L. Chị L đề nghị nuôi con, cháu T cũng mong muốn ở với mẹ, anh A thống nhất với ý kiến của con. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Lê Thị T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L đề nghị anh A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1.000.000 đồng, tuy nhiên hiện nay do anh A bị tàn tật, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là 405.000 đồng, không có thu nhập gì khác nên căn cứ trên cơ sở mức thu nhập của anh thấy không thể đủ khả năng cấp dưỡng theo yêu cầu của chị L đề ra. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị L.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Do anh A thuộc đối tượng được miễn án phí và đã xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân xảy ra tranh chấp giữa anh Lê Đình A và chị Lê Thị L, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Anh Lê Đình A và chị Lê Thị L tự nguyện cưới nhau từ năm 2006, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là thị trấn S) năm 2013 trên cơ sở tự nguyện. Do có mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2020, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh A và chị L đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn nổi, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận đề nghị xin ly hôn của anh Lê Đình A. Về con: Vợ chồng anh A chị L có một con chung là cháu Lê Thị T, sinh ngày 21/7/2007, hiện đang ở với chị L. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi con, cháu T cũng mong muốn được sống với mẹ, anh A đồng ý theo nguyện vọng của con. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Thị T cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị Lê Thị L đề nghị anh A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1.000.000 đồng/tháng. Xét hoàn cảnh của anh A hiện là đối tượng người khuyết tật nặng, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, không có thu nhập nào khác nên không thể cấp dưỡng nuôi con cùng chị L. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị Lê Thị L.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Anh A thuộc đối tượng được miễn án phí nên đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông A.

Nguyên đơn anh Lê Đình A không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Đình A và chị Lê Thị L tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N (nay là thị trấn S), huyện H, Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/7/2013 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau bình thường cho đến cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ mâu thuẫn trong gia đình dẫn đến chị L pA đem con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay anh A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L, chị L không có ý kiến rõ ràng gì về phần hôn nhân, tuy nhiên chị cũng đề nghị được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Như vậy thể hiện chị L không muốn níu kéo tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Nay anh A cương quyết ly hôn vì nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Đình A là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[2] Về con: Anh Lê Đình A và chị Lê Thị L có một con chung là cháu Lê Thị T, sinh ngày 21/7/2013. Chị L đề nghị được nuôi con, cháu T cũng muốn ở với mẹ, anh A cũng không phản đối. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của chị L, giao cháu T cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L đề nghị anh A cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.000.000 đồng, đây là yêu cầu chính đáng. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh của anh A là đối tượng người khuyết tật, hiện nay sống nhờ vào trợ cấp xã hội hàng tháng của nhà nước với mức trợ cấp hơn 405.000 đồng/tháng, anh không có thu nhập nào khác nên xét theo thu nhập và khả năng thực tế thì anh không có khả năng cấp dưỡng. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị L.

[3] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Đình A có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không mở phiên hòa giải mà chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo luật định và có mặt cả hai bên đương sự.

Tại phiên tòa ngày 08/6/2021, chị Lê Thị L vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị L vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Đình A thuộc đối tượng được miễn án phí và có đề nghị xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24; Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Anh Lê Đình A được ly hôn với chị Lê Thị L.

Về con: Công nhận cháu Lê Thị T, sinh ngày 21/7/2013 là con chung của anh Lê Đình A và chị Lê Thị L.

Giao cháu Lê Thị T cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về án phí: Do anh Lê Đình A được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho anh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0010365 ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về quyền kháng cáo: Anh Lê Đình A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm. Chị Lê Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã thị trấn S;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Bỉnh Quyền **Trịnh Thị Loan** **Lê Thị Ngọc Tú**